

Bản án số: 78/2024/HS-ST
Ngày 28/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Như Sương
- Ông Trần Nghiệp Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Diệu Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Hoàng Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

H T T K (tên gọi khác: Không); sinh ngày 21/02/1975, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: x Tôn Thất Hiệp, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: xx Lê Thị Bạch Cát, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H T S và bà T N Á Tt. Bị cáo có vợ tên là V T H, có hai người con, sinh năm 2006 và năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 26/02/2024; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông L H L, sinh năm 1968; địa chỉ: xx Tuệ Tĩnh, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông L V T, sinh năm 1983; địa chỉ: xxx Hồ Thành Biên, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông L Q, sinh năm 1969; địa chỉ:

xxx Lê Ngã, phường xx, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà L T B N, sinh năm 1989; địa chỉ: x Quân Sự, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 40 ngày 15/1/2024, Đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 11 phối hợp Công an Phường 13 Quận 11 tiến hành kiểm tra hành chính tại đầu hẻm 162 Tôn Thất Hiệp, Phường 13, Quận 11 phát hiện ông L H L đang trả tiền góp cho đối tượng H T T K nên tiến hành mời làm việc. Tại Cơ quan Công an, đối tượng K khai nhận cho vay tiền lấy lãi và thường ngồi tại đầu hẻm 162 Tôn Thất Hiệp, Phường 13, Quận 11 để cho vay và thu tiền. Lãi suất cho vay từ 10%/tháng đến 20%/tháng, hình thức vay trả tiền đứng theo tháng hoặc trả tiền góp theo ngày. Khi cho vay tiền, giữa đối tượng K và người vay không làm hợp đồng, không thế chấp tài sản mà chỉ liên lạc qua điện thoại để người vay đóng tiền cho K.

Tiến hành khám xét nơi ở của đối tượng K tại địa chỉ xx Lê Thị Bạch Cát, Phường x, Quận x, Công an đã thu giữ 01 quyển tập học sinh màu xanh và 01 quyển sổ màu đen bên trong có ghi chép nội dung liên quan đến việc thu chi tiền.

Tại Cơ quan điều tra, bị can H T T K khai nhận đã cho 04 người vay tiền, bao gồm:

- Ông L H L (sinh năm: 1968) vay tiền của bị can K 02 lần như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 23/11/2023, ông L vay của bị can K 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 80.000 đồng liên tục trong 30 ngày là 2.400.000 đồng. Lãi suất 20%/tháng tương đương 243.33%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Ngày 23/12/2023, ông L đã trả đủ tiền gốc và lãi là 2.400.000 đồng cho bị can K. Đối với lần vay này, bị can K đã thu lợi bất chính số tiền là 366.667 đồng (đã trừ đi số tiền lãi theo mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự).

+ Lần thứ hai: Vào ngày 24/12/2023, ông L vay của bị can K 2.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất và phương thức trả tiền như lần vay thứ nhất. Ông L đã trả góp cho bị can K 12 ngày với số tiền là 930.000 đồng. Đến ngày 15/01/2024, ông L trả thêm cho bị can K 750.000 đồng. Khi bị can K vừa nhận tiền thì Công an Quận 11 kiểm tra mời làm việc. Tổng số tiền bị can K đã nhận của ông L trong lần vay thứ hai là 1.680.000 đồng. Theo thỏa thuận, ông L còn nợ bị can K 320.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi.

- Ông L V T (sinh năm: 1983) vay tiền của bị can K 02 lần như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 03/12/2023, ông T vay của bị can K 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 300.000 đồng/ngày liên tục trong 40 ngày thành 12.000.000 đồng. Lãi suất 20%/40 ngày tương đương 182,5%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đến ngày 12/01/2024, ông T

đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng cho bị can K. Đối với lần vay thứ nhất này, bị can K đã thu lợi bất chính số tiền là 1.777.778 đồng (đã trừ đi số tiền lãi theo mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự).

+ Lần thứ hai: Vào ngày 13/01/2023, ông T tiếp tục vay của bị can K 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất và phương thức trả tiền như lần vay thứ nhất. Đối với lần vay thứ hai này, ông Tường chưa trả tiền cho bị can K ngày nào.

- Ông L Q (sinh năm 1969) vay tiền của bị can K 02 lần như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào tháng 7/2021, ông Q vay của bị can K 6.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi đứng mỗi tháng 1.000.000 đồng, lãi suất 16,67%/tháng tương đương 202,78%/năm, gấp 10,14 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Ông Q bắt đầu trả lãi từ tháng 8/2021 cho đến tháng 01/2024 được 30 tháng với số tiền 30.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Đối với lần vay thứ nhất này, bị can K đã thu lợi bất chính số tiền là 27.000.000 đồng (đã trừ đi số tiền lãi theo mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự).

+ Lần thứ hai: Vào ngày 09/01/2024, ông Q tiếp tục vay của bị can K số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 150.000 đồng liên tục trong 40 ngày thành 6.000.000 đồng. Lãi suất 20%/40 ngày tương đương 182,5%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Ông Q trả được 02 ngày với số tiền là 300.000 đồng. Theo thỏa thuận, ông Q còn nợ bị can K 4.700.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi.

- Bà L T B N (sinh năm 1989) vay tiền của bị can K 02 lần như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào tháng 3/2022, bà N vay của bị can K 40.000.000 đồng tiền đứng, thỏa thuận trả tiền lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng tương đương 120%/năm, gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Bà N bắt đầu trả lãi từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023 thì trả đủ tiền gốc cho bị can K. Tổng tiền gốc và lãi mà bà N đã trả cho bị can K là 88.000.000 đồng. Đối với lần vay thứ nhất này bị can K đã thu lợi bất chính số tiền là 40.000.000 đồng (đã trừ đi số tiền lãi theo mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự).

+ Lần thứ hai: Vào ngày 01/9/2023, bà N tiếp tục vay của bị can K số tiền 4.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 160.000 đồng liên tục trong 30 ngày thành 4.800.000 đồng, lãi suất 20%/30 ngày tương đương 243,33%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Bà N đã trả đủ tiền gốc và lãi 4.800.000 đồng cho bị can K. Đối với lần vay thứ hai này bị can K đã thu lợi bất chính là 733.333 đồng (đã trừ đi số tiền lãi theo mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự).

Tổng số tiền bị can H T T K đã thu lợi bất chính là 69.877.778 đồng.

Tiến hành mời làm việc đối với các ông bà L H L, L Q, L V T, L T B N, các đương sự đều khai nhận có vay tiền của bị can H T T K với nội dung như trên. Khi vay mượn và trả tiền đều đưa tiền mặt cho bị can Ky, không làm hợp đồng vay tiền. Quá trình vay mượn và trả tiền cho bị can Kỳ, cả 04 người đều không bị đe dọa hay ép buộc gì khi chậm trả tiền. Lời khai của các ông bà L, Q, T, N phù hợp với lời khai của bị can H T T K.

Vật chứng thu giữ bao gồm:

- Tiền Việt Nam 2.250.000 đồng. Trong đó bao gồm 750.000 đồng là bị can K thu của ông L H L, còn 1.500.000 đồng là tiền cá nhân của bị can K.

- Tiền Việt Nam 69.878.000 đồng. Đây là số tiền thu lợi bất chính. Bị can H T T K đã nộp lại số tiền trên để khắc phục hậu quả.

- Một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen. Đây là điện thoại bị can K dùng để liên lạc với người vay tiền.

- Một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax. Đây là tài sản cá nhân của bị can K không liên quan đến vụ án.

- Một quyển tập học sinh màu xanh; một quyển sổ màu đen bên trong có ghi chép nội dung liên quan đến việc thu chi tiền. Bị can Hoàng Trọng Thiên Kỳ trình bày nội dung trong quyển tập và quyển sổ này là ghi chép quá trình mua bán hàng hóa khi bị can K kinh doanh mua bán phụ tùng xe trước đây. Qua kiểm tra, chỉ có tên gọi của khách hàng mà không ghi thông tin họ tên, địa chỉ hoặc số điện thoại nên bị can K không rõ lai lịch của khách hàng.

- Một đĩa CD ghi âm ghi hình việc hỏi cung bị can H T T K; hai đĩa CD ghi âm ghi hình việc lấy lời khai của các ông bà L H L, L V T, L Q và L T B N.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông L H L và ông L V T không có yêu cầu gì khác.

- Ông L Q yêu cầu bị can H T T K trả lại số tiền thu lợi bất chính là 15.300.000 đồng.

- Bà L T B N yêu cầu bị can H T T K trả lại số tiền thu lợi bất chính là 40.733.333 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 79/CT-VKSQ11 ngày 23/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị can H T T K tội danh “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo H T T K có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có các ông bà L H L, L V T, L Q và L T B N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Đối với yêu cầu của ông L Q yêu cầu bị can H T T K trả lại số tiền thu lợi bất chính là 15.300.000 đồng và bà L T B N yêu cầu bị can H T T K trả lại số tiền thu lợi bất chính là 40.733.333 đồng, bị cáo H T T K đồng ý hoàn trả lại số tiền trên cho ông Q và bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ; phạt tiền bổ sung 30.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị xử lý vật chứng như sau:

- Lưu vào hồ sơ vụ án một đĩa CD ghi âm ghi hình việc hỏi cung bị cáo H T T K; hai đĩa CD ghi âm ghi hình việc lấy lời khai của các ông bà L H L, L V T, L Q và L T B N.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền Việt Nam 750.000 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền Việt Nam 69.878.000 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

- Trả lại cho bị cáo H T T K số tiền 1.500.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax.

- Tịch thu tiêu hủy một quyển tập học sinh màu xanh và một quyển sổ màu đen bên trong có ghi chép nội dung liên quan đến việc thu chi tiền mua basnhafng hóa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị giải quyết phân trách nhiệm dân sự như sau:

- Buộc bị cáo K trả lại cho ông Q số tiền là 15.300.000 đồng.

- Buộc bị cáo K trả lại cho bà N số tiền là 40.733.333 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian liên tục từ tháng 7 năm 2021 đến ngày 24/12/2023, tại đầu hẻm 162 Tôn Thất Hiệp, Phường 13, Quận 11, bị cáo H T T K đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với các ông bà L H L, L V T, L Q và L T B N với lãi suất từ gấp trên sáu lần đến gấp trên mười hai lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và đã thu lợi bất chính với số tiền là 69.877.778 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi,

lười lao động, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình thức xử phạt phù hợp để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã nộp lại tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nhiều lần đối với các ông bà L H L, L V T, L Q và L T B N nhưng số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội không quá 100.000.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội của bị cáo là 69.877.778 đồng nên hành vi của bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và xem xét phạt tiền bổ sung đối với bị cáo:

Số tiền mà bị cáo dùng vào việc phạm tội và số tiền thu lợi bất chính không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và đã có thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, áp dụng biện pháp phạt tiền bổ sung đối với bị cáo số tiền là 30.000.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là một đĩa CD ghi âm ghi hình việc hỏi cung bị cáo H T T K và hai đĩa CD ghi âm ghi hình việc lấy lời khai của các ông bà L H L, L V T, L Q và L T B N do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 trích xuất lưu vào hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 xử lý lưu vào hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với vật chứng là một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen. Đây là điện thoại bị cáo K dùng để liên lạc với người vay tiền, là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với vật chứng là một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo K không liên quan đến vụ án. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bị cáo.

- Đối với vật chứng là một quyển tập học sinh màu xanh và một quyển sổ màu đen bên trong có ghi chép nội dung liên quan đến việc thu chi tiền. Bị cáo H T T K trình bày nội dung trong quyển tập và quyển sổ này là ghi chép quá trình mua bán hàng hóa khi bị cáo K kinh doanh mua bán phụ tùng xe trước đây. Qua kiểm tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 xác định chỉ có tên gọi của khách hàng mà không ghi thông tin họ tên, địa chỉ hoặc số điện thoại, không xác định được lai lịch của khách hàng. Vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là tiền Việt Nam 1.500.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bị cáo.

- Đối với vật chứng là tiền Việt Nam 750.000 đồng do bị cáo K thu của ông L H L bao gồm tiền gốc và tiền lãi, là phương tiện phạm tội và là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với vật chứng là tiền Việt Nam 69.878.000 đồng, là số tiền thu lợi bất chính do bị cáo H T T K đã nộp lại trong quá trình điều tra. Số tiền này bao gồm:

+ Tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá quy định đối với bà L T B N là 40.733.333 đồng. Bà L T B N yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 40.733.333 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bà L T B N số tiền 40.733.333 đồng.

+ Tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá quy định đối với ông L Q là 27.000.000 đồng. Ông L Q yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 15.300.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho ông L Q số tiền 15.300.000 đồng. Do ông L Q còn nợ lại đối với bị cáo số tiền là 11.700.000 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính và là tiền dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền 11.700.000 đồng.

+ Tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá quy định đối với ông L V T là 1.777.778 đồng. Ông L V T còn nợ lại đối với bị cáo tiền gốc và tiền lãi chưa thanh toán là 10.000.000 đồng. Do đó, ông L V T còn phải nộp lại số tiền là 10.000.000 đồng – 1.777.778 đồng = 8.222.222 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

+ Tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá quy định đối với ông L H L là 366.667 đồng. Tuy nhiên, do ông L H L còn nợ lại bị cáo số tiền gốc và tiền lãi chưa thanh toán là 720.000 đồng nên ông L H L còn phải nộp lại số tiền là 720.000 đồng – 366.667 đồng = 353.333 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

- Trả lại cho bà L T B N số tiền 40.733.333 đồng là tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá quy định đối với bà L T B N.

- Trả lại cho ông L Q số tiền 15.300.000 đồng là tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá quy định đối với ông L Q.

- Buộc ông L V T phải nộp lại số tiền còn nợ bị cáo là 8.222.222 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc ông L H L phải nộp lại số tiền còn nợ bị cáo là 353.333 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo H T T K phải nộp lại số tiền vốn cho vay và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do bị cáo cho vay và đã thu hồi là 52.066.667 đồng (cho vay đối với bà N) + 3.000.000 đồng (cho vay đối với ông Q) + 10.222.222 đồng (cho vay đối với ông T) + 2.033.333 đồng (cho vay đối với ông L) = 67.322.222 đồng.

[7] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo H T T K, điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phân xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 36; Điều 50; khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo H T T K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo H T T K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo phải thi hành các nghĩa vụ của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Lưu vào hồ sơ vụ án vật chứng là một đĩa CD ghi âm ghi hình việc hỏi cung bị cáo H T T K và hai đĩa CD ghi âm ghi hình việc lấy lời khai của các ông bà L H L, L V T, L Q và L T B N.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước vật chứng là một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 868/LNK-ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng là một quyển tập học sinh màu xanh và một quyển sổ màu đen (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 868/LNK-ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Trả lại cho bị cáo H T T K vật chứng là một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 868/LNK-ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Trả lại cho bị cáo H T T K vật chứng là tiền Việt Nam 1.500.000 đồng (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 868/LNK-ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11) nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước vật chứng là tiền Việt Nam 750.000 đồng (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 868/LNK-ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Trả lại cho bà L T B N số tiền là 40.733.333 đồng (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 868/LNK-ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Trả lại cho ông L Q số tiền là 15.300.000 đồng (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 868/LNK-ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền là 72.128.000 đồng - 40.733.333 đồng - 15.300.000 đồng - 1.500.000 đồng - 750.000 đồng = 13.844.667 đồng (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 868/LNK-ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Buộc ông L V T nộp lại số tiền còn nợ bị cáo là 8.222.222 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Buộc ông L H L nộp lại số tiền còn nợ bị cáo là 353.333 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo H T T K nộp lại số tiền vốn cho vay và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do bị cáo sử dụng để cho vay và đã thu hồi là 67.322.222 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- UBND Phường 11, Quận 11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng